TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2026/DS-PT
Ngày 19 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 186/2026/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Trí M, sinh ngày 04/8/1993, (có mặt).

Căn cước công dân số: 096093005740, cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Số F, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Phan Tường V, sinh ngày 11/8/1991, (có mặt).

Căn cước công dân số: 096091001246, cấp ngày 18/01/2022.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của bị đơn: ông Phan Tường V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Trí M trình bày: Do có quen biết từ trước vào ngày 13/4/2023 ông V có vay của ông số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 06/4/2024 vợ ông V là bà Â đã trả được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại thì không trả đến nay

nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả lại số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định từ ngày 15/6/2023 đến ngày tòa xét xử vụ án.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Tường V trình bày*: Ông không có vay tiền của ông M. Ngày 13/4/2023 ông V không có mặt tại Cà Mau, không có mặt tại nhà ông M, không có đếm tiền và nhận tiền của ông M. Chữ ký, chữ viết trong Biên nhận không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Về số tiền 50.000.000 đồng mà vợ ông chuyển cho ông M là chuyển trả số tiền do cha mẹ ông thiếu ông M chứ không trả tiền vay như ông M trình bày.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Trí M đối với ông Phan Tường V.

- Buộc ông Phan Tường V trả cho Trương Trí M số tiền 320.550.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi ngàn) đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi 70.550.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền gốc nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phan Tường V phải chịu án phí là 16.027.500 đồng (Mười sáu triệu, không hai mươi bảy ngàn, năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Trí M tạm ứng án phí đã nộp số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003437 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/03/2026, bị đơn ông Phan Tường V kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Trương Trí M.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- *Bị đơn ông Phan Tường V tranh luận*: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Ông V không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận.

- *Nguyên đơn ông Trương Trí M tranh luận*: Giữ nguyên ý kiến không tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

- *Về thủ tục tố tụng*: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm

phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo ông Phan Tường V, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, án phí dân sự phúc thẩm ông Phan Tường V phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về nội dung và hình thức của đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ điều kiện xét xử phúc thẩm.

[2] Xét các nội kháng cáo của ông Phan Tường V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông V kháng cáo cho rằng sỡ dĩ ông không yêu cầu giám định vì không hiểu biết pháp luật, và ông cũng không được Tòa án giải thích. Tuy nhiên, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, tại phiên tòa vào các ngày 26/02/2026 và ngày 19/3/2026 Hội đồng xét xử có hỏi ông V về việc có yêu cầu giám định hay không, ông V xác định không yêu cầu, vì ông cho rằng nghĩa vụ này thuộc về ông M. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của người khác phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích về việc giám định nhưng ông V không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Ông V chỉ trình bày bằng lời nói không thừa chữ ký của mình là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, bản gốc giấy biên nhận ngày 13/4/2023 do ông M cung cấp là căn cứ chứng minh việc ông V có nợ tiền ông M.

[2.2] Ông V kháng cáo cho rằng tại thời điểm ký biên nhận do ông M cung cấp, ông không có mặt ở Cà Mau. Nhận thấy: Ông V cho rằng vào ngày ký biên nhận (13/4/2023), ông không có mặt tại Cà Mau mà đi thẩm định đất tại V, xã S và cung cấp hình ảnh chụp từ điện thoại làm chứng cứ. Xét thấy, các hình ảnh ông V cung cấp là do ông V chụp từ điện thoại của mình nhưng không được cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận, định vị được tính chính xác về thời gian cũng như không gian tại thời điểm chụp. Do đó, chưa có cơ sở chấp nhận chứng cứ này của ông V là hợp pháp.

[2.3] Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Ẩ chuyển vào tài khoản ông M: Việc vợ ông V chuyển 50.000.000 đồng ngày 06/4/2024 cho ông M đã được

nguyên đơn thừa nhận và khấu trừ vào nợ gốc (còn lại 250.000.000 đồng). Việc ông V cho rằng đây là tiền trả thay cho cha mẹ trong một vụ án khác nhưng không có tài liệu, chứng cứ đối trừ. Việc ông M thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng trả vào nợ gốc là hoàn toàn có lợi cho ông V. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tường V; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Tường V phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tường V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2026/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Trí M đối với ông Phan Tường V.

- Buộc ông Phan Tường V trả cho Trương Trí M số tiền 320.550.000 (Ba trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi ngàn) đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi 70.550.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền gốc nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Tường V phải chịu 16.027.500 (Mười sáu triệu, không hai mươi bảy ngàn, năm trăm) đồng. Ông Trương Trí M không phải chịu án phí, ông M đã nộp tạm ứng án phí số tiền

7.500.000 (Bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003437 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Tường V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Phan Tường V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004006 ngày 08/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 2;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lệ Kiều